

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ KM  
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 73/2020/HS- ST

Ngày: 21/12/2020

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ KM, TỈNH HẢI DƯƠNG**

***\* Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phạm Anh Tuyết

*- Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Phạm Văn Biên

Bà Đinh Thị Tin

*\* Thư ký phiên tòa:* Ông Trần Thăng Long – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã KM.

*\* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã KM tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Hiếu- Kiểm sát viên.

Trong ngày 21 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã KM mở phiên tòa xét xử vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 86/2020/TLST- HS ngày 20 tháng 11 năm 2020; Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 73/2020/QĐXXST- HS ngày 07 tháng 12 năm 2020 đối với bị cáo:

**Họ và tên:** Trần Văn N, sinh năm 1973

Nơi cư trú: Thôn LĐ, xã K1A, huyện K2T, tỉnh Hải Dương

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam; Trình độ văn hoá: 01/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông Trần Văn N1 và bà Nguyễn Thị T1; Gia đình có 05 anh em, bị cáo là con thứ 5; Vợ: Trương Thị T2. Bị cáo có 01 con.

**Tiền án, tiền sự:** Không.

**Nhân thân:** Tại bản án số 45/2014/HSST ngày 03/9/2014 của Tòa án nhân dân huyện K2T xử phạt Trần Văn N 27 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy; Ngày 11/11/2014 chấp hành xong phần án phí hình sự sơ thẩm; Ngày 27/4/2016 chấp hành xong hình phạt tù. Tại bản án số 32/2017/HSST ngày 27/7/2017 của Tòa

án nhân dân huyện K2T xử phạt Trần Văn N 15 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy; Ngày 27/7/2017 chấp hành xong phần án phí hình sự sơ thẩm; Ngày 12/6/2018 chấp hành xong hình phạt tù.

Bị tạm giữ từ ngày 08/9/2020 đến ngày 11/9/2020 chuyển tạm giam tại trại tạm giam Công an tỉnh Hải Dương. *Có mặt.*

- **Người bị hại:** Bà Nguyễn Thị L1, sinh năm 1968, địa chỉ: Khu dân cư T3M1, phường HA1, thị xã KM, tỉnh Hải Dương. *Có mặt.*

- **Người làm chứng:** Anh Nguyễn Công H1, sinh năm 1986, địa chỉ: Khu dân cư A2T4, phường A3L2, thị xã KM, tỉnh Hải Dương. *Vắng mặt.*

#### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:* Khoảng 06 giờ 30 phút ngày 02/9/2020, Trần Văn N đi bộ từ nhà mình sang bên nhà vợ tại T5N2- Hải Phòng chơi. Khoảng 07 giờ 20 phút cùng ngày, N đi đến chợ KM thuộc khu dân cư A2T4 - phường A3L2 - KM- Hải Dương. N ngồi nghỉ tại bậc hè trước cửa hàng xe máy VV1. N thấy bà Nguyễn Thị L1, sinh năm 1968, ở: HA1 - KM - Hải Dương dựng chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha loại Sirius màu đen biển số 34D1-255.51 dưới lòng đường, cách vị trí N ngồi khoảng 08m. Quan sát thấy chị L1 sang bên kia đường để mua hàng, không có ai quản lý, trông coi xe, chìa khóa xe vẫn cắm ở ổ khóa điện, N nảy sinh ý định lấy chiếc xe trên. N đi tới vị trí dựng xe, ngồi lên yên xe, vặn mở khóa điện, đề nổ máy rồi điều khiển xe đi. N điều khiển xe tới quán nước ở rìa đường quốc lộ 17B thuộc HA1 - KM - Hải Dương. Tại đây N gặp 01 người đàn ông không quen biết đang uống nước tại quán. N có nói chuyện muốn bán xe và thỏa thuận với người đàn ông này bán xe với giá 1.500.000 đồng, người này đồng ý mua xe và đưa cho N số tiền 1.500.000 đồng, số tiền này N đã chi tiêu cá nhân hết. Ngày 08/9/2020, bà L1 có đơn trình báo. Cùng ngày, N đến cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã KM đầu thú.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 78 ngày 09/9/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thị xã KM kết luận 01 xe máy nhãn hiệu Yamaha loại xe Sirius màu đen trị giá là 10.830.000 đồng.

Về vật chứng: Quá trình điều tra N giao nộp 01 áo vải bò màu xanh đã qua sử dụng; 01 mũ lưỡi trai vải màu đen; 01 quần dài bằng vải hiện được quản lý tại kho vật chứng của cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã KM. Đối với chiếc xe mô tô biển số 34D1-255.51 hiện chưa thu hồi được.

Về trách nhiệm dân sự: Trong quá trình điều tra bà Nguyễn Thị L1 yêu cầu Trần Văn N phải bồi thường giá trị chiếc xe mô tô biển số 34D1-255.51 là 10.830.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số: 74/CT- VKS ngày 19 tháng 11 năm 2020, Viện kiểm sát nhân dân thị xã KM truy tố bị cáo Trần Văn N về tội Trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

\*Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã KM giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo N và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố bị cáo Trần Văn N phạm tội Trộm cắp tài sản.
- Áp dụng khoản 1 Điều 173; Điều 38, điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Trần Văn N từ 12 đến 15 tháng tù, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 08 tháng 9 năm 2020.
- Hình phạt bổ sung: Không áp dụng đối với các bị cáo N;
- Xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự; điểm a, c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự, xử: Tịch thu, cho tiêu hủy 01 áo vải bò màu xanh, 01 mũ lưỡi trai vải màu đen, 01 quần dài bằng vải.
- Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa người bị hại tự nguyện không yêu cầu bị cáo N bồi thường xe mô tô, Biển số 34D1- 255.51, trị giá là 10.830.000 đồng, cho bị cáo số tiền này, không yêu cầu xem xét, giải quyết về trách nhiệm dân sự nên không đặt ra việc xem xét, giải quyết về trách nhiệm dân sự giữa bị cáo và bà L1.
- Về án phí: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí của Tòa án, bị cáo N phải nộp án phí hình sự sơ thẩm;

\* Bị cáo Trần Văn N khai nhận hành vi phạm tội và đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt;

\*Bà Nguyễn Thị L1 đề nghị xét xử bị cáo N về trách nhiệm hình sự theo quy định; Về trách nhiệm dân sự: Không yêu cầu xem xét, giải quyết.

#### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Cơ quan điều tra Công an thị xã KM, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân thị xã KM, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và ngƣời tham gia tố tụng khác không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, ngƣời tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, ngƣời tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của bị cáo N tại phiên tòa phù hợp với lời khai bị cáo đã khai nhận trong quá trình điều tra. Căn cứ vào lời khai của bị cáo, lời khai của ngƣời bị hại, người làm chứng và các tài liệu liên quan khác được thu thập trong quá trình

điều tra, hiện có đủ cơ sở để kết luận: Khoảng 07 giờ 20 phút ngày 02 tháng 9 năm 2020, tại chợ KM địa chỉ: A2T4, phường A3L2, thị xã KM, tỉnh Hải Dương, Trần Văn N có hành vi trộm cắp của bà Nguyễn Thị L1 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha loại Sirius, Biển số 34D1- 255.51 trị giá là 10.830.000 đồng.

Xét, việc bị cáo N đã có hành vi lén lút chiếm đoạt trái phép tài sản thuộc quyền sở hữu của bà L1 trị giá là 10.830.000 đồng nên việc Viện kiểm sát nhân dân thị xã KM truy tố bị cáo N về Tội trộm cắp tài sản theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người đúng tội.

Hành vi phạm tội của bị cáo N là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật hình sự bảo vệ, đồng thời xâm phạm đến trật tự an toàn xã hội, làm cho quần chúng nhân dân trên địa bàn thị xã KM không yên tâm trong cuộc sống sinh hoạt hàng ngày.

Bị cáo N là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, mặc dù nhận thức được hành vi chiếm đoạt trái phép tài sản của người khác là vi phạm pháp luật hình sự, nhưng vì muốn có tiền để tiêu sài cho bản thân vẫn cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Bị cáo là người không chấp hành pháp luật, đã hai lần bị Tòa án kết án, bị cáo là người từ địa phương khác đến địa bàn thị xã KM để thực hiện tội phạm đã gây khó khăn cho công tác đấu tranh phòng chống tội phạm nên cần phải có mức hình phạt nghiêm đối với bị cáo để cải tạo, giáo dục đối với chính bị cáo và góp phần vào việc phòng ngừa tội phạm chung.

Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt cũng xét việc trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đều thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là *Người phạm tội thành khẩn khai báo* theo điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Bị cáo sau khi thực hiện việc phạm tội đã tự đến Công an thị xã KM để đầu thú nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Căn cứ vào nhân thân, tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo N và hậu quả tội phạm mà bị cáo đã gây ra cho xã hội nên cần phải có mức hình phạt phù hợp dành cho bị cáo, cách ly bị cáo N ra khỏi xã hội một thời gian mới giúp bị cáo có điều kiện tu dưỡng, rèn luyện trở thành công dân sống có ích cho xã hội sau này;

*Về hình phạt bổ sung:* Xét, bị cáo N trước khi phạm tội không có nghề nghiệp ổn định, kinh tế khó khăn và không có tài sản riêng nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[3].*Về trách nhiệm dân sự:* Bà Nguyễn Thị L1 tại phiên tòa tự nguyện không yêu cầu bị cáo Trần Văn N phải bồi thường giá trị chiếc xe mô tô biển số 34D1-255.51 trị giá là 10.830.000 đồng, cho bị cáo số tiền này. Xét, việc bà L1 hiện không yêu cầu bị cáo N phải bồi thường trị giá chiếc xe mô tô là 10.830.000 đồng,

cho bị cáo số tiền này là tự nguyện, phù hợp quy định của pháp luật nên không phải xem xét, giải quyết về trách nhiệm dân sự trong vụ án.

[4].*Về vật chứng*: Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thị xã KM đã quản lý 01 áo vải bò màu xanh đã qua sử dụng; 01 mũ vải màu đen; 01 quần dài bằng vải. Xét, có căn cứ xác định đây là tài sản của bị cáo sử dụng khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo xác định các tài sản này không có giá trị và tự nguyện không nhận lại, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên tịch thu, cho tiêu hủy các tài sản này nên cần chấp nhận là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[5].*Về án phí*: Bị cáo được xác định là phạm tội nên phải nộp án phí sơ thẩm hình sự theo quy định.

Trong vụ án này, đối với người đàn ông đã mua chiếc xe mô tô biển số 34D1-255.51 do bị cáo N trộm cắp được mà có, tài liệu điều tra không xác định được là ai, ở đâu. Cơ quan điều tra- Công an thị xã KM tiếp tục làm rõ xử lý sau là đúng quy định nên không đặt ra việc xem xét, giải quyết trong vụ án.

*Bởi các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 173; Điều 38; điểm a khoản 1 Điều 47; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự. điểm a, c khoản 2 Điều 106; khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về án phí Tòa án đối với bị cáo N.

**1. Về tội danh:** Tuyên bố bị cáo Trần Văn N phạm tội Trộm cắp tài sản.

**2. Về hình phạt:** Xử phạt bị cáo Trần Văn N 15 (Mười lăm) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 08 tháng 9 năm 2020.

**3. Về trách nhiệm dân sự:** Không xem xét, giải quyết.

**4. Về vật chứng:** Xử tịch thu, cho tiêu hủy 01 áo vải bò màu xanh, 01 mũ vải màu đen, 01 quần dài bằng vải. *(Các vật chứng có đặc điểm như trong biên bản giao nhận vật chứng lưu trong hồ sơ vụ án và đang được quản lý tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã KM).*

**5. Về án phí:** Xử buộc bị cáo Trần Văn N phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí sơ thẩm hình sự.

**6. Quyền kháng cáo:** Báo cho bị cáo, người bị hại biết được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án tuyên án.

## **T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

### **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

*\* Nơi nhận:*

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- VKSND thị xã KM;
- Công an thị xã KM;
- Chi cục THADS thị xã KM;
- Sở Tư pháp tỉnh Hải Dương;
- Trại tạm giam Công an tỉnh HD;
- Bị cáo; Người bị hại; Lưu

**Phạm Anh Tuyết**